

Số: 08/2019/QĐST-KDTM

Thủy Nguyên, ngày 02 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ H

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đức Cảnh

2. Bà Bùi Thúy Mở

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 31/2018/TLST-KDTM ngày 06 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần C V; địa chỉ: Số 108 T, phường C, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần V, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần C V - Chi nhánh L và ông Nguyễn Q, chức vụ: Phó Phòng Tổng hợp Ngân hàng Thương mại Cổ phần C V - Chi nhánh L (Văn bản ủy quyền số 060/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 24 tháng 01 năm 2018).

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn G; địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện T, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Phạm Thị Nga, chức vụ: Cán bộ Công ty Trách nhiệm hữu hạn G (Giấy ủy quyền ngày 20 tháng 8 năm 2018).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn G phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C V số tiền nợ tính đến hết ngày 02 tháng 4 năm 2019 là 102.400.259.505 đồng (Một trăm linh hai tỷ bốn trăm triệu hai trăm năm mươi chín nghìn năm trăm

linh năm đồng) bao gồm số tiền nợ gốc là 58.100.291.143 đồng (Năm mươi tám tỷ một trăm triệu hai trăm chín mươi một nghìn một trăm bốn mươi ba đồng), số tiền nợ lãi trong hạn là 32.871.819.437 đồng (Ba mươi hai tỷ tám trăm bảy mươi một triệu tám trăm mười chín nghìn bốn trăm ba mươi bảy đồng) và số tiền nợ lãi quá hạn là 11.428.148.925 đồng (Mười một tỷ bốn trăm hai mươi tám triệu một trăm bốn mươi tám nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng), trong đó: Số tiền nợ của hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD ngày 15 tháng 7 năm 2011 là 36.884.772.020 đồng bao gồm số tiền nợ gốc là 20.279.748.000 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 14.053.432.250 đồng và số tiền nợ lãi quá hạn là 2.551.591.770 đồng; Số tiền nợ của hợp đồng tín dụng số 01.2013/HĐHM ngày 16 tháng 5 năm 2013, văn bản sửa đổi hợp đồng tín dụng số 01.2013/VBSĐ ngày 14 tháng 6 năm 2013 và văn bản sửa đổi hợp đồng tín dụng số 01.14/VBSĐ ngày 14 tháng 01 năm 2014 là 60.506.650.756 đồng bao gồm số tiền nợ gốc là 34.827.543.143 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 17.424.929.826 đồng và số tiền nợ lãi quá hạn là 8.254.177.787 đồng; Số tiền nợ của hợp đồng tín dụng số 01.2014/HĐTDHM/NHCT164-ĐB ngày 08 tháng 4 năm 2014 là 5.008.836.730 đồng bao gồm số tiền nợ gốc là 2.993.000.000 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 1.393.457.361 đồng và số tiền nợ lãi quá hạn là 622.379.368 đồng.

- Kể từ ngày 03 tháng 4 năm 2019 Công ty Trách nhiệm hữu hạn G còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần C V cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Phương án trả nợ cụ thể như sau: Chậm nhất đến ngày 25 tháng 4 năm 2019 Công ty Trách nhiệm hữu hạn G phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C V số tiền nợ gốc là 800.291.143 đồng (Tám trăm triệu hai trăm chín mươi một nghìn một trăm bốn mươi ba đồng). Từ tháng 5 năm 2019 đến tháng 9 năm 2019 mỗi tháng Công ty Trách nhiệm hữu hạn G phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C V số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) vào ngày 25 hàng tháng. Từ tháng 10 năm 2019 đến tháng 3 năm 2020 mỗi tháng Công ty Trách nhiệm hữu hạn G phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C V số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) vào ngày 25 hàng tháng. Từ tháng 4 năm 2020 đến tháng 3 năm 2021 mỗi tháng Công ty Trách nhiệm hữu hạn G phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C V số tiền nợ gốc là 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) vào ngày 25 hàng tháng. Từ tháng 4 năm 2021 đến tháng 02 năm 2023 mỗi tháng Công ty Trách nhiệm hữu hạn G phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C V số tiền nợ gốc là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) vào ngày 25 hàng tháng. Chậm nhất đến ngày 25 tháng 3 năm 2023 Công ty Trách nhiệm hữu hạn G phải trả hết cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C V số tiền nợ còn lại (bao gồm số tiền nợ gốc, số tiền nợ lãi

trong hạn và số tiền nợ lãi quá hạn) của các hợp đồng tín dụng đã ký giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần C V và Công ty Trách nhiệm hữu hạn G.

- Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn G thực hiện đúng phương án trả nợ gốc nêu trên, trước ngày 25 tháng 03 năm 2023 Công ty Trách nhiệm hữu hạn G sẽ gửi hồ sơ xin miễn giảm tiền nợ lãi đến Ngân hàng Thương mại Cổ phần C V - Chi nhánh L đề Ngân hàng Thương mại Cổ phần C V - Chi nhánh L trình cấp có thẩm quyền xem xét miễn giảm số tiền nợ lãi (bao gồm số tiền nợ lãi trong hạn và số tiền nợ lãi quá hạn) cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn G.

- Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn G vi phạm bất kỳ kỳ hạn nào theo phương án trả nợ nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần C V được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố H phát mại các tài sản thế chấp sau để thu hồi nợ:

Toàn bộ hệ thống nhà xưởng, nhà văn phòng, nhà bảo vệ và các công trình phụ trợ cùng các vật kiến trúc khác được xây dựng trên diện tích 168.653,80 m² đất thuê của nhà nước tại xã M, huyện T, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB538632, sổ vào sổ cấp GCN: CT00657 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 05 tháng 6 năm 2012 cho chủ sử dụng là Công ty Trách nhiệm hữu hạn G theo hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 1028/12.BĐ/85.NQ, quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23 tháng 5 năm 2012; văn bản thỏa thuận sửa đổi hợp đồng số công chứng 1170/12.BĐ/09.NQ, quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08 tháng 6 năm 2012 và văn bản thỏa thuận sửa đổi hợp đồng số công chứng 774/13.BD/59.NQ, quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD/812.13 ngày 15 tháng 5 năm 2013.

Toàn bộ hệ thống dây chuyền máy móc, thiết bị sản xuất gạch, ngói cao cấp thuộc sở hữu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn G được lắp đặt và khai thác tại nhà máy của Công ty Trách nhiệm hữu hạn G tại thôn Đ, xã M, huyện T, thành phố H theo hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 1029/12.BĐ/85.NQ, quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23 tháng 5 năm 2012 và văn bản thỏa thuận sửa đổi hợp đồng số công chứng 773/13.BD/58.NQ, quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD/813.13 ngày 15 tháng 5 năm 2013.

Toàn bộ nguyên vật liệu đầu vào (đất, dầu, than), gạch, ngói các loại (thành phẩm và bán thành phẩm) thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Trách nhiệm hữu hạn G tại thôn Đ, xã M, huyện T, thành phố H và toàn bộ các quyền đòi nợ đối với các tài sản này của Công ty Trách nhiệm hữu hạn G theo hợp đồng thế chấp hàng hóa số 01.2013/TCHH ngày 25 tháng 6 năm 2013.

- Về án phí: Công ty Trách nhiệm hữu hạn G nhận nộp cả 210.400.260 đồng (Hai trăm mười triệu bốn trăm nghìn hai trăm sáu mươi đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần C V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 101.000.000 đồng (Một trăm linh một triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007360 ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và

không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố H;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Đức Cảnh – Bùi Thúy Mở

Nguyễn Thị Thu Hiền

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố H;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hiền

